TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện T (nay là phường U, thành phố T), tỉnh Bình Dương vào năm 2003, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 28/7/2003. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại phường U cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn L không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu và đánh bà N. Cuộc sống gia đình do một mình bà N lo liệu. Vì các con còn nhỏ nên bà N đã cố chịu đựng để duy trì quan hệ vợ chồng nhưng ông L vẫn không thay đổi, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và không muốn chung sống cùng ông L. Nay các con đã trưởng thành, bà N không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông L nên yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có ba con chung, cháu Nguyễn Sơn Long H, sinh ngày 28/12/2002; cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/2005 và cháu Nguyễn Hải M, sinh ngày 20/5/2006. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải M và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Sơn Long H và cháu Nguyễn Thị Mỹ H đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Bé N về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông L xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N mắc bệnh, dẫn đến việc ông L buồn và vợ chồng xảy ra tranh cãi, ông L cũng thường xuyên uống rượu và có đánh bà N. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không được khắc phục. Ông L xác định còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Bé N, quá trình chung sống, vợ chồng có ba con chung, cháu Nguyễn Sơn Long H, sinh ngày 28/12/2002; cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/2005 và cháu Nguyễn Hải M, sinh ngày 20/5/2006. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn thì về con chung ông L tôn trọng sự lựa chọn của con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc

nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L cư trú tại khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện T (nay là phường U, thành phố T), tỉnh Bình Dương vào năm 2003, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 28/7/2003 nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông L nghiện rượu, không chăm lo cho vợ con, mâu thuẫn kéo dài nhưng không có giải pháp để hàn gắn, hoà giải mâu thuẫn. Ông L không đồng ý ly hôn, xác định muốn đoàn tụ với bà N nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với ông L.

Xét, để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà N và ông L là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Bé N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có ba con chung, cháu Nguyễn Sơn Long H, sinh ngày 28/12/2002; cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/2005 và cháu Nguyễn Hải M, sinh ngày 20/5/2006. Bà Nguyễn Thị Bé N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải M. Tại bản tự khai ngày 25/7/2023, cháu M trình bày có nguyện vọng được sống cùng bà N vì bà N là người chăm sóc cháu. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông L tôn trọng theo nguyện vọng của cháu M. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà N xuất phát từ việc ông L thường xuyên say xỉn, đánh đập bà N, không chăm lo cho vợ con. Qua đó thấy rằng việc giao con chung cho bà N nuôi dưỡng sẽ đảm bảo môi

trường phát triển lành mạnh cho cháu và phù hợp với nguyện vọng cháu nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N.

Cháu Nguyễn Sơn Long H và cháu Nguyễn Thị Mỹ H đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01 ngày 28/7/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện T (nay là phường U, thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn L giao con chung, cháu Nguyễn Hải M, sinh ngày 20/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Bé N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007883 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết